TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2026
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Trọng.

Ông Ngô Hoàng Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim H, sinh ngày 18/11/1994.

Số căn cước công dân: **********, ngày cấp 23/02/2022.

Nơi ĐKTT: Khu vực V, phường N, thành phố Cần Thơ.

Nơi ở hiện nay: Ấp G, H, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng T, sinh ngày 01/01/1989.

Số căn cước công dân: **********.

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2026 và các tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn bà Lê Thị Kim H trình bày: Bà và ông Nguyễn Trọng T đăng ký kết hôn vào ngày 22/4/2015 tại Ủy ban Nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường N, thành phố Cần Thơ). Vợ chồng có hai người con chung là Nguyễn

Kim T1, sinh ngày 06/5/2015 (nam) và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 27/9/2019 (nam). Giữa bà và ông T sống ly thân với nhau từ năm 2023, các con thì sống với ông T. Bà thấy mục đích hôn nhân không đạt và muốn trả tự do cho nhau.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T.

Về con chung: Bà yêu cầu giao 02 người con chung cho ông Nguyễn Trọng T nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng cho con chung mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Trọng T vắng mặt, quá trình giải quyết có lời khai: Ông và bà Lê Thị Kim H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được UBND xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên từ khi ông bị bệnh nằm trên giường, vợ chồng không còn sống chung đã được khoảng ba năm nên theo yêu cầu của bà H, ông đồng ý ly hôn. Về hai người con chung Nguyễn Kim T1 (nam) và Nguyễn Trọng N (nam), ông đồng ý nuôi dưỡng con chung theo đề nghị của bà H do các con đã sống quen ở đây, cũng đi học ổn định và bà H có về thăm các con. Liên quan đến cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng thì ông cũng đồng ý, mức cấp dưỡng này cũng được bà H thực hiện trong thời gian qua. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn thì ông không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được triệu tập và được thông báo để thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, công nhận thuận tình ly hôn cho bà H và ông T. Đối với con chung giao cho ông T nuôi dưỡng và bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng theo ý kiến của các bên là 1.000.000 đồng/tháng/người. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Bà H phải chịu án phí 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn và án phí cấp dưỡng, riêng ông T là người khuyết tật nên đề nghị xem xét miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại phường N, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

cho đương sự, nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban Nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường N, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông T đã được thông báo về việc bà H khởi kiện và đồng ý ly hôn, việc đồng ý ly hôn của ông T là tự nguyện. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H và ông T.

[3] Về con chung: Theo bà H và ông T xác định có hai người con chung Nguyễn Kim T1, sinh ngày 06/5/2015 (nam) và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 27/9/2019 (nam) đã chung sống với ông T từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau. Bà H đề nghị giao 02 người con chung cho ông T nuôi dưỡng và ông T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho ông T nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Ông T đồng ý với đề nghị của bà H về cấp dưỡng cho con chung, mỗi người là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn. Đối với bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, còn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuy nhiên trong vụ án này, bị đơn ông T là người khuyến tật và có đề nghị miễn án phí, nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Kim H và ông Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Giao ông Nguyễn Trọng T được nuôi dưỡng hai người con chung với bà Lê Thị Kim H là Nguyễn Kim T1, sinh ngày 06/5/2015 (nam) và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 27/9/2019 (nam) đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Bà Lê Thị Kim H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Kim T1 và Trọng Nhân đến khi các con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/người/tháng và cấp dưỡng từ ngày 02/3/2026.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Trọng T được miễn án phí.

- Bà Lê Thị Kim H phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng. Khi nộp án phí, bà Lê Thị Kim H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008285 ngày 29/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại

điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Ngã Năm, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai